| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TỊNH BIÊN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-09-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Châu Nam Phú.

*Hội thẩm nhân dân:* ông Châu Kim Ba và ông Muth So Ny.

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên Tòa:*** bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp "xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: bà Neáng Sóc C, sinh năm 2000; nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Trần Tiến V – Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (vắng mặt).

*2. Bị đơn*: ông Mai Xiêu I, sinh năm 1999; nơi cư trú: tổ F, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nèang Sóc C1 trình bày:*

Về hôn nhân: trong tháng 10 năm 2019, bà C1 và ông I tổ chức cưới theo phong tục và có sự chứng kiến của cha, mẹ hai bên; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T, tỉnh An Giang vào ngày 16/10/2019. Do cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có hạnh phúc nên từ năm 2020 ông I về bên cha

mẹ ruột sinh sống đến ngày nay, không còn liên lạc nhau. Nay bà C1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Xiêu I.

Về con chung: có 01 con chung tên Mai Quốc A, sinh ngày 01/11/2020. Khi ly hôn, bà C1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Mai Quốc A và yêu cầu ông I cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: không có.

2. Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Mai Xiêu I như: thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có nguyên đơn bà C1 có mặt, bị đơn ông I vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 12/08/2023, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng nguyên đơn bà N Sóc Chiếs vắng mặt, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Mai Xiêu I vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà N Sóc Chiếs vắng mặt, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Mai Xiêu I tiếp tục vắng mặt lần 2 không có lý do và không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

*3. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt và có gửi bài luận cứ như sau:*

Về hôn nhân: tháng 10 năm 2019, bà C1 với ông I tổ chức tiệc cưới theo phong tục có sự chứng kiến của cha, mẹ hai bên. Đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2019, ngày 16/10/2019, do UBND xã A). Sau lễ cưới bà C1 với ông I sống chung hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ, chồng; ông I về sống tại gia đình thuộc tổ F, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Nhận thấy, mục đích hôn nhân của ông, bà không đạt được, không có sự yêu thương chăm sóc với nhau. Ông, bà ly thân hơn 03 năm, nhiều lần nguyên đơn nhờ cha, mẹ hai bên hàn gắn nhưng không được.

Về con chung: Quá trình sống chung bà C1 với ông I có với nhau 01 con chung tên Mai Quốc A, sinh ngày 01/11/2020 (Giấy khai sinh số 322/2020 ngày 19/11/2020, do UBND xã A). Hiện bà C1 trực tiếp nuôi con chung nên cần ổn định để bà C1 tiếp tục nuôi con chung để cháu có cuộc sống ổn định, học tập như bao đứa trẻ cùng trang lứa. Về tài sản chung, nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung và căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: cho Neáng Sóc C được ly hôn với ông Mai Xiêu I; về con chung: giao con chung tên Mai Quốc A, sinh ngày 01/11/2020, cho bà N1 Sóc Chiếs tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc ông Mai Xiêu I cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

*- Về tố tụng:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*- Về việc giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: bà C và ông I tổ chức tiệc cưới theo phong tục có sự chứng kiến của cha, mẹ hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A ngày 16/10/2019, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn, bà C và ông I chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông I, quá trình Tòa án giải quyết ông I cũng không có ý kiến gì đối với bà C. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: trong thời gian sinh sống có 01 con chung là Mai Quốc A, sinh ngày 1/11/2020. Bà C yêu cầu được nuôi con Mai Quốc A và yêu cầu ông I cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Neáng Sóc C.

Về con chung: Giao cháu Mai Quốc A cho bà C nuôi dưỡng và buộc ông I phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là ½ mức lương cơ bản cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: do không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

***- Về thủ tục tố tụng***

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Neáng Sóc C, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Mai Xiêu I đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2, nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân được xác lập vào năm 2019, trong thời điểm Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

***- Về nội dung vụ án***

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T, tỉnh An Giang đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh tại địa phương thì tình trạng hôn nhân của các đương sự có phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2020 giữa bà C và ông I sống ly thân nhau đến ngày nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 đến nay, do mâu thuẫn gia đình. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân là trầm trọng, không thể hàn gắn để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Mai Quốc A, sinh ngày 01/11/2020, hiện do bà C đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nhận thấy, con chung tên Mai Quốc A còn dưới 36 tháng tuổi, do bà C trực tiếp nuôi dưỡng từ 2020 đến nay, vì vậy nguyên đơn yêu cầu tiếp tục được nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Theo quy định của pháp luật thì bà N2 Sóc Chiếs người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Mai Xiêu I người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà N2 Sóc Chiếs là người trực tiếp nuôi con chung yêu cầu ông Mai Xiêu I người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình"đình năm 2014 quy định: cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình"đình năm 2014, quy định về mức cấp dưỡng như sau:

“1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.”

Như vậy, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đây là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 107 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Do nguyên đơn bà C không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là ông Mai Xiêu I nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông I có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định mức mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định, tương ứng với số tiền 900.000đ/tháng (1/2 x 1.800.000đ), thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nghĩa vụ chứng minh, ngyên đơn bà C khởi kiện và đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Đối với bị đơn ông Mai Xiêu I, trong quá trình tố tụng đã được Toà án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, triệu tập đến Toà án để giải quyết vụ việc nhưng ông I không đến không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan; không gửi ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án nhằm thể hiện sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét gì cho bị đơn.

[10] Xét luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị ội"hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nèang Sóc C1 là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình.

- Bị đơn ông Mai Xiêu I phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000đ về cấp dưỡng định kỳ nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ường"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử**: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nèang Sóc C1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nèang Sóc C1 được ly hôn ông Mai Xiêu I.

Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Mai Quốc A, sinh ngày 01/11/2020 cho bà N Sóc Chiếs trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà NèangChiếs người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Mai Xiêu I1 không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: buộc ông Mai Xiêu I có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên Mai Quốc A mỗi tháng là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 28/09/2023.

Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nèang Sóc C1 phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009165 ngày 31/05/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên.

Bị đơn ông Mai Xiêu E phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí về cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bán được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều"Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm satgs nhân dân thị xã Tịnh Biên
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

**Châu Nam Phú**